

Bản án số: 20/2017/HN-ST

Ngày: 26/7/2017

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Ông Dương Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị Ngọc H**, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T.P. Đ, xã Đ.H, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn Y**, sinh năm: 1979 (Có mặt)

HKTT: Ấp T.P.T, xã Đ.H, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 673/43 đường M.C, phường V.Q, thành phố R.G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc H trình bày:* Chị và anh Lê Văn Y chung sống với nhau vào năm 2012, không có đăng ký kết hôn, trước khi chung sống chị và anh Y có tìm hiểu nhau trước rồi mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Trong thời gian chung sống, giữa chị và anh Y phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh Y thường xuyên cự cãi, luôn bất đồng quan điểm với nhau, chị H luôn cố gắng nhường nhịn để hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Chị và anh Y đã sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay.

Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Lâm Anh T, sinh ngày: 03/9/2013, cháu đã có giấy khai sinh và sống cùng chị H từ khi chị và anh Y ly thân.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Y không tạo lập được tài sản chung gì.

Về phần nợ chung: Chị và anh Y không nợ ai, cũng không ai nợ chị và anh Y.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Lê Văn Y.
- Về quan hệ con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Y cấp dưỡng.
- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lê Văn Y trình bày:* Anh Y đồng ý với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân giữa anh và chị H là đúng. Nay anh thấy, giữa anh và chị H có lối sống không phù hợp, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Ngoài ra, anh Y cho rằng hộ khẩu thường trú của anh vẫn còn ở ấp T. P.T, xã Đ.H, huyện A.M nhưng do anh và chị H ly thân nên anh về nhà cha mẹ ruột sống tại số 673/43 đường M.C, phường V.Q, thành phố R.G, tỉnh Kiên Giang, anh đồng ý việc Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý và giải quyết yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị Hương đối với anh.

Tại phiên tòa anh Y yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Lâm Thị Ngọc H.
- Về con chung: Đồng ý giao cháu Lâm Anh T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc H về việc yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lê Văn Y có xác nhận anh Y có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp T.P.T, xã Đ H, huyện A.M nhưng trong quá trình giải quyết vụ kiện anh Y cho rằng khi vợ chồng ly thân anh đã về nhà cha mẹ ruột ở tại số 673/43 đường M.C, phường V.Q, thành phố R.G, tỉnh Kiên Giang và anh đồng ý việc Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trường

hợp này Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lâm Thị Ngọc H và anh Lê Văn Y chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã, phường, thị trấn) và cho đến khi chị H có đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Y thì anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn như vậy là vi phạm theo khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.*”

Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.

Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”.

Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 quy định “...Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2000 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.

Do đó, HĐXX thống nhất căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 không công nhận chị Lâm Thị Ngọc H và anh Lê Văn Y là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị H và anh Y thống nhất xác định và thỏa thuận, sau khi ly hôn giao cháu Lâm Anh T, sinh ngày 03/9/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị H không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp theo quy định tại Điều 15, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh Y xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì buộc nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc H phải nộp án phí số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung

năm 2010; Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Thị Ngọc H và anh Lê Văn Y là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Lâm Thị Ngọc H và anh Lê Văn Y, tiếp tục giao cháu Lâm Anh T, sinh ngày 03/9/2013 cho chị Lâm Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Văn Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai có quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí HNST: Buộc chị Lâm Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo lai thu số 0000334 ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị H không phải nộp thêm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Ngày 26/7/2017).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Cẩm Linh

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Cẩm Linh